

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL FINANCIAL GROUP CORPORATION

Tên công ty viết tắt: GROUP GFC ., CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109683971

3. Ngày thành lập: 25/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 69 Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982708372

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (trừ loại nhà nước cấm)	0128
4.	Khai thác và thu gom than cứng (trừ loại nhà nước cấm)	0510
5.	Khai thác và thu gom than non (trừ loại nhà nước cấm)	0520
6.	Khai thác dầu thô	0610
7.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
8.	Khai thác quặng sắt (trừ loại nhà nước cấm)	0710
9.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ loại nhà nước cấm)	0722
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
12.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
15.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
16.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
17.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
19.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

20.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
21.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
22.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
23.	Sản xuất đường	1072
24.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
25.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
26.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
27.	Sản xuất chè	1076
28.	Sản xuất cà phê	1077
29.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
30.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
31.	Sản xuất rượu vang	1102
32.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
33.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
34.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
35.	Sản xuất sợi	1311
36.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
37.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
38.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
39.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
40.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
41.	Sản xuất điện	3511
42.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
43.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
45.	Thu gom rác thải độc hại	3812
46.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
47.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
48.	Tái chế phế liệu	3830
49.	Xây dựng nhà để ở	4101
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Xây dựng công trình điện	4221
54.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình thủy	4291
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
63.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
64.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
65.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
66.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
67.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
68.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
69.	Bán buôn thực phẩm	4632
70.	Bán buôn đồ uống	4633
71.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
72.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
73.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
74.	Bán mô tô, xe máy	4541
75.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
76.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
77.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa	4610
78.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
79.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
80.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
82.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
83.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
84.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
85.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
86.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
87.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
88.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
89.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
90.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
91.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

92.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
93.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
94.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
95.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
96.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
98.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
99.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
100.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
101.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và viễn dương;	5222
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: - Hoạt động điều hành hành khách đi, đến tại ga hàng không	5223
105.	Bốc xếp hàng hóa	5224
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	5225
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;	5229
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
109.	Cơ sở lưu trú khác	5590
110.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
111.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
112.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản,	6810(Chính)

113.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản	6820
114.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
115.	Giáo dục nhà trẻ	8511
116.	Giáo dục mẫu giáo	8512
117.	Giáo dục tiểu học	8521
118.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
119.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
120.	Đào tạo sơ cấp	8531
121.	Đào tạo trung cấp	8532
122.	Đào tạo cao đẳng	8533
123.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
124.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
125.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
126.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

6. Vốn điều lệ: 5.869.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÚY HẰNG	Số 74 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	299.319 .000	2.993.190.000.0 00	51,000	0331720021 99	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	299.319 .000	2.993.190.000.0 00	51,000		
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.869.0 00	58.690.000.000	1,000	0010890246 79	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.869.0 00	58.690.000.000	1,000		

3	CÁP QUANG HẢI	P901-N09B2 KĐTM Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	281.712.000	2.817.120.000.00	48,000	033071001407
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	281.712.000	2.817.120.000.00	48,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÚY HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/03/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033172002199

Ngày cấp: 13/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 74 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 74 Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội